TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **Tỉnh Hậu Giang**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 7 – 2017.
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hoa Lài

2. Ông Nguyễn Hoàng Điểm

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Á - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Phát Tấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang công khai xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 120/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Trần Hoàng Duy E, địa chỉ: ấp B, xã Tân H, huyện C, tỉnh H (có mặt)

2. *Bị đơn*: Chị Đỗ Cẩm T, địa chỉ: ấp T, thị trấn B, huyện C, tỉnh H (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Hoàng Duy E trình bày: Anh và chị T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B vào năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng anh về nhà cha mẹ ruột của chị T sinh sống, hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, hay gây gỗ cãi vã. Đến năm 2014 chị T bỏ nhà đi làm ăn xa, rất lâu mới về thăm gia đình, mỗi lần vợ chồng gặp nhau lại cãi nhau, chị T đi làm ăn xa bỏ mặc chồng con không quan tâm đến chồng con, anh đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị T vẫn không về. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân và anh đã trở về nhà cha mẹ

ruột sinh sống từ tháng 4/2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đỗ Cẩm T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung tên Trần Hoàng N (nam), sinh ngày 08/3/2010 và Trần Thu C (nữ), sinh ngày 10/11/2011, sau khi T đi làm ăn xa thì cả hai cháu sống chung với anh tại nhà cha mẹ ruột của T, đến tháng 4/2017 anh về nhà cha mẹ ruột của anh tại ấp B, xã Tân H, huyện C sống thì có đem theo cháu Trần Thu C để nuôi dưỡng đến nay. Nếu giải quyết ly hôn anh tôn trọng quyết định của các con, nếu các con sống với anh thì anh nuôi và không yêu cầu T cấp dưỡng. Nếu các con sống với T thì T nuôi, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn xin ly hôn vắng mặt bị đơn chị Đỗ Cẩm T trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh Duy E là do chị đi làm ăn xa không thường về gia đình nhưng nếu anh Duy E xin ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn với anh Duy E.

Về con chung: Chị và anh Duy E có 02 con chung tên Trần Hoàng N (nam), sinh ngày 08/3/2010 và Trần Thu C (nữ), sinh ngày 10/11/2011. Chị yêu cầu được nuôi cả hai cháu N và C, không yêu cầu anh Duy E cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa anh Trần Hoàng Duy E vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Đỗ Cẩm Thu. Về con chung: Do chị Thu đi làm ăn xa thường xuyên mỗi năm chỉ về nhà khoảng 2 lần, không đảm bảo điều kiện chăm sóc các con nên anh Duy E yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Trần Hoàng N (nam), sinh ngày 08/3/2010 và Trần Thu C (nữ), sinh ngày 10/11/2011 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích của đương sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trần Hoàng Duy E được ly hôn với chị Đỗ Cẩm T. Về con chung: Giao hai cháu Trần Hoàng N (nam), sinh ngày 08/3/2010 và Trần Thu C (nữ), sinh ngày 10/11/2011 cho anh Trần Hoàng Duy E trực tiếp nuôi dưỡng, anh Duy E không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên chị T không phải cấp dưỡng. Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho chị Đỗ Cẩm T không ai được quyền cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: anh Trần Hoàng Duy E và chị Đỗ Cẩm T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2010. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, đến năm 2014 chị T đi làm ăn xa và vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Trần Hoàng Duy E có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh H giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đỗ Cẩm T. Xét đây là vụ án Xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Cẩm T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải và công khai chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay chị Thu cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, để bảo đảm quyền lợi của anh Duy E, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Đỗ Cẩm T.

Về nội dung giải quyết vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Hoàng Duy E, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Trần Hoàng Duy E và chị Đỗ Cẩm T tồn tại hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 125/2010 quyển số 01/2010 ngày 12/10/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa anh Duy E và chị T được xem là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa anh Duy E và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh Duy E cho rằng vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, đến năm 2014 chị T bỏ nhà đi làm ăn xa, rất lâu mới về thăm gia đình, mỗi lần vợ chồng gặp nhau lại cãi nhau, chị T đi làm ăn xa bỏ mặc chồng con không quan tâm đến chồng con, anh đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị T vẫn không về nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh Duy E xin ly hôn với chị T. Phía chị Thu cũng xác định nguyên nhân ly hôn là do chị đi làm xa không có thời gian về với gia đình, nay anh Duy E yêu cầu xin ly hôn chị T cũng đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã tiến hành mời các đương sự đến Tòa án để hòa giải, động viên cho các đương sự hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng chị T vẫn cố tình vắng mặt. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã động viên, phân tích để anh Duy E hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị T nhưng anh Duy E vẫn cương quyết xin ly hôn, không muốn đoàn tụ gia đình, không muốn chung sống cũng như hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị T. Hơn nữa, chị Thu cũng đồng ý ly hôn với anh Duy E. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh Duy E đã lâm vào tình trạng trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Hoàng Duy E là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Anh Duy E và chị T khai thống nhất có 02 con chung tên Trần Hoàng N (nam), sinh ngày 08/3/2010 và Trần Thu C (nữ), sinh ngày 10/11/2011. Từ năm 2014 chị T đi làm ăn xa, anh Duy E và chị T cũng sống ly thân đến nay, cháu N và cháu C vẫn đang sống chung với anh Duy E. Tại phiên tòa hôm nay, anh Duy E thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu nuôi cả hai cháu N và C, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Tại đơn xin ly hôn vắng mặt chị T cũng yêu cầu nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh Duy E cấp dưỡng.

Xét việc nuôi cháu Trần Hoàng N: Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/7/2017 cháu Trần Hoàng N có nguyện vọng được sống với chị T, tại phiên tòa hôm nay cháu N thay đổi nguyện vọng xin được ở với anh Duy E. Xét đây là nguyện vọng của cháu N, tại thời điểm xét xử cháu N đã trên 7 tuổi, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: con trên 7 tuổi phải xem xét nguyện vọng của con do đó Hội đồng xét xử ghi nhận nguyện vọng của cháu N, giao cháu Nghĩa cho anh Duy E tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét việc nuôi cháu Trần Thu C: Từ năm 2014 chị T đi làm ăn xa đến nay cháu C vẫn sống chung và được anh Duy E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại biên bản ghi lời khai ông Đỗ Thanh L cha ruột chị T cũng xác định: chị T thường xuyên đi làm ăn xa tại Đà Nẵng có gửi tiền về cho ông nuôi các cháu, mỗi năm chỉ về nhà hai lần để thăm con. Mặc dù chị T có yêu cầu nuôi cả hai cháu nhưng xét về điều kiện nuôi con chị T thường xuyên đi làm ăn xa, gửi tiền về cho ông bà ngoại chăm sóc nuôi dưỡng các cháu, cha mẹ ruột chị T đều đã già yếu, thu nhập không cao, điều kiện kinh tế khó khăn, chị T thì không thường về nhà nên điều kiện trực tiếp chăm sóc, dạy dỗ các cháu là không đảm bảo. Đối với anh Duy E qua tranh tụng công khai tại phiên tòa cho thấy, anh Duy E có công việc và thu nhập ổn định, hơn nữa từ năm 2014 chị T đi làm ăn xa đến nay các cháu cũng đều do anh Duy E trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, từ tháng 4/2017 anh Duy E trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống bé C cũng được anh Duy E đem theo chăm sóc nuôi dưỡng đến nay, hơn nữa anh Duy E tự nguyện yêu cầu được nuôi cả hai cháu N và C để hai anh em không phải xa cách nhau. Qua xem xét các điều kiện của anh Duy E đối với yêu cầu được nuôi hai cháu C và N cho thấy anh Duy E đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu trưởng thành, do đó để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống, ổn định cuộc sống hiện tại của cháu C và cháu N cũng như tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu Trần Hoàng N, sinh ngày 08/3/2010 và cháu Trần Thu C (nữ), sinh ngày 10/11/2011 cho anh Duy E trực tiếp nuôi dưỡng, anh Duy E không yêu cầu chị T cấp dưỡng nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho chị Đỗ Cẩm T không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Không có không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Khi nào có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Khi nào có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh Trần Hoàng Duy E phải chịu 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hoàng Duy E**.**

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trần Hoàng Duy E được ly hôn với chị Đỗ Cẩm T.

3. Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng N (nam), sinh ngày 08/3/2010 và cháu Trần Thu C (nữ), sinh ngày 10/11/2011 cho anh Trần Hoàng Duy E trực tiếp nuôi dưỡng, chị Thu không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho chị Đỗ Cẩm T không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Không có không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Khi nào có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Khi nào có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Hoàng Duy E phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí anh Duy E đã đóng theo biên lai thu số 0011003 ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Anh Trần Hoàng Duy E đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Anh Trần Hoàng Duy E được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Đỗ Cẩm T được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh H hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thúy Hường